TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày: 28-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỹ.

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Khiển - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ tên: **Bùi Tuấn N** - sinh năm 1980 tại: Thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 5/4/81 đường L, phường M, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tuấn T và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27-8-1999 bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", Ngày 19-11-2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", Ngày 18-8-2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Cưỡng đoạt tài sản", Ngày 24-11-2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 08 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22-12-2018, sau đó chuyển tạm

giam từ ngày 28-12-2018 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị B - sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 367 đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Hải V - sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Tuấn N có quen biết với anh Dương Hồ N1 – sinh năm 1979, trú tại: Số 367 đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Nhiều lần N1 đã đến nhà anh N1 chơi nên biết được nhà anh N1 thường xuyên không có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ ngày 13-12-2018, N điều khiển xe máy Wave, biển kiểm soát: 18S2-0073 đi đến nhà anh N1. Thấy cổng không khóa, N mở cổng đi vào và dùng một thanh sắt nhặt ở đường phá được khóa cửa. Sau khi phá được khóa cửa, N đóng cửa lại rồi đi lên đường C – N để thuê người bốc vác. Tại đây, N gặp và đặt vấn đề muốn thuê anh Đỗ Mạnh T; anh Đỗ Khắc P; anh Đỗ Khắc Chức chuyển tài sản cho N tại địa chỉ: Số 367 đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Tiếp đó, N thuê anh Trần Xuân N2 lái ô tô tải để vận chuyển tài sản cho N. Sau đó, N dẫn những người bốc vác đến địa chỉ: Số 367 đường B, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Tại đây, N giả vờ mở cửa để đánh lừa những người bốc vác tin là nhà của N. N cùng những người bốc vác chuyển số tài sản trong nhà ra xe tải, bao gồm: 01 sập gỗ có khảm trai, hình chữ nhật, kích thước (160x200)cm, dày 05cm; 01 tủ chè bằng gỗ gụ có khảm trai, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước (200x70x45)cm; 03 cánh cửa đơn bằng gỗ lim, kích thước khoảng (70x190)cm, dày khoảng 04cm; 01 chiếc kỷ bằng gỗ gụ, kích thước khoảng (75x45)cm, cao 18cm; 01 đồng hồ điện tử gỗ ép treo tường, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước (120x45x15)cm; 01 quạt điện loại cây màu đen. Trong quá trình chuyển tài sản ra xe, có chị Nguyễn Thị T2 – sinh năm 1985, trú tại: Số 208 đường T, thành phố Đ đến nhà anh N1 để thu tiền nước. N đã giả vờ mình là chủ nhà nên đã đưa cho chị T2 số tiền 65.000 đồng. Sau khi chuyển hết tài sản lên xe tải, N đóng cổng và trả tiền cho anh Đỗ Mạnh T, Đỗ Khắc P, Đỗ Khắc C tiền công bốc vác là 150.000 đồng/người. Trên đường đi chuyển đồ, N lấy chiếc quạt cây để bán nhưng không bán được nên đã gửi lại nhà bà Trần Thị P1 - sinh năm 1966, trú tại: Chợ V, xã P, huyện L, tỉnh Nam Định. Số tài sản còn lại N chở đến nhà người quen là bà Dương Thị Hải V. N nói với bà V số tài sản này là do N đi bắt nợ và muốn gửi lại đây, bà V đồng ý. Tại đây, N vay của anh Nguyễn Đức T3 là

con của bà V số tiền 250.000 đồng để trả cho người lái xe tải là anh Trần Xuân N2. Sau đó, N đi xe máy về nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N đến nhà bà V đặt vấn đề bán số tài sản trên, bà V đồng ý. N cho anh T3 01 cánh cửa và 01 cái đồng hồ (lúc này anh T3 không có mặt, N gửi bà V). Số tài sản còn lại bà V trả cho N số tiền là 17.800.000 đồng. N trả cho anh T3 số tiền 250.000 đồng đã vay trước đó, số tiền còn lại N đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra, bà Trần Thị B là mẹ của anh N1 đã phát hiện và trình báo cơ quan công an. Nhận được đơn trình báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và triệu tập Bùi Tuấn N làm việc. Tại cơ quan điều tra, Bùi Tuấn N đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Quá trình điều tra, bà Dương Thị Hải V đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tài sản mua từ Bùi Tuấn N. Bà Dương Thị Hải V yêu cầu Bùi Tuấn N phải hoàn trả lại số tiền 17.800.000 đồng.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định đã tiến hành định giá và kết luận: 01 sập gỗ có khảm trai, hình chữ nhật, kích thước (160x200)cm, dày 05cm; 01 tủ chè bằng gỗ gụ có khảm trai, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước (200x70x45)cm; 03 cánh cửa đơn bằng gỗ lim, kích thước khoảng (70x190)cm, dày khoảng 04cm; 01 chiếc kỷ bằng gỗ gụ, kích thước khoảng (75x45)cm, cao 18cm; 01 đồng hồ điện tử gỗ ép treo tường, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước (120x45x15)cm; 01 quạt điện loại cây màu đen có tổng trị giá 29.473.000 đồng. Sau khi định giá, cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho bị hại là bà Trần Thị B. Bà Trần Thị B đã nhận lại tài sản và không có ý kiến thắc mắc gì.

Đối với bà Dương Thị Hải V khi mua số tài sản trộm cắp của Bùi Tuấn N, bà Dương Thị Hải V không biết nguồn gốc số tài sản đó là do Bùi Tuấn N trộm cắp được mà có nên cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý. Số tiền bà Dương Thị Hải V mua tài sản của Bùi Tuấn N là 17.800.000 đồng, hiện Bùi Tuấn N chưa bồi thường trả lại cho bà V nên vấn đề dân sự chưa được giải quyết.

Đối với bà Trần Thị P1 không biết nguồn gốc chiếc quạt điện nên đã cho Bùi Tuấn N gửi chiếc quạt điện tại nhà, cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với các anh Đỗ Mạnh T, Đỗ Khắc P, Đỗ Khắc C, Trần Xuân N2 đã nhận bốc vác và chở tài sản cho N nhưng không biết nguồn gốc số tài sản đó là do N trộm cắp nên cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 30-01-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Bùi Tuấn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Bùi Tuấn N tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn N phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Phạt bị cáo Bùi Tuấn N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù; miễn phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015: Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Dương Thị Hải V số tiền 17.800.000 đồng.

Bị cáo Bùi Tuấn N nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Tuấn N; bị hại là bà Trần Thị B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Hải V không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Tuấn N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ ngày 13-12-2018, tại số nhà 367 đường B, phường H, thành phố Đ, Bùi Tuấn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị B gồm: 01 sập gỗ có khảm trai, hình chữ nhật, kích thước (160x200)cm, dày 05cm; 01 tủ chè bằng gỗ gụ có khảm trai, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước (200x70x45)cm; 03 cánh cửa đơn bằng gỗ lim, kích thước khoảng (70x190)cm, dày khoảng 04cm; 01 chiếc kỷ bằng gỗ gụ, kích thước khoảng (75x45)cm, cao 18cm; 01 đồng hồ điện tử gỗ ép treo tường, dạng hình hộp chữ nhật, kích thước (120x45x15)cm; 01 quạt điện loại cây màu đen; tổng trị giá tài sản là 29.473.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá 29.473.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Bùi Tuấn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã được giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bản chất coi thường pháp luật, tuy nhiên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có công việc ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại bị hại, bị hại là bà Trần Thị B đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Hải V yêu cầu bị cáo Bùi Tuấn N bồi thường số tiền 17.800.000 đồng là số tiền bà đã bỏ ra mua số tài sản mà bị cáo Bùi Tuấn N trộm cắp được. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Tuấn N chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của bà Dương Thị Hải V đối với số tiền 17.800.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Tuấn N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể như sau:

- Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng.
- Án phí đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của bà Dương Thị Hải V: 17.800.000 x 5% = 890.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn N 09 tháng tù (chín tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 22-12-2018.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Tuấn N phải bồi thường cho bà Dương Thị Hải V số tiền 17.800.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Dương Thị Hải V có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo Bùi Tuấn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Bùi Tuấn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 890.000 đồng (tám trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Bùi Tuấn N được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là bà Trần Thị B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Hải V được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**